

Bản án số: 94/2021/DS-PT  
Ngày: 09-11-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Ngô Ngọc Phi

***Các Thẩm phán:***

Ông Lưu Hữu Giàu

Ông Nguyễn Hoàng Thám

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Bé Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2021/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2021/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 138/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 163/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 186/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa số: 34/TB-TA ngày 10 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 206/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 215/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Lâm Thị Xuân T, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Ấp 2, thị trấn M, huyện M, tỉnh An Giang (có mặt).

- ***Bị đơn:***

1. Ông Lâm Văn M, sinh năm 1965 (vắng mặt);

2. Bà Võ Thị Bích P, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Long Phú 1, xã B, huyện M, tỉnh An Giang.

- ***Người kháng cáo:*** Bà Lâm Thị Xuân T là nguyên đơn trong vụ án.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị Xuân T (sau đây gọi tắt là bà T) trình bày:*

Ngày 20/10/2002, ông Lâm Văn M (sau đây gọi tắt là ông M) vay của bà số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, mục đích vay: Chăn nuôi bò; không thỏa thuận thời hạn trả; sau khi vay ông M không trả lãi cho bà. Nay bà yêu cầu ông M cùng vợ là bà Võ Thị Bích P (sau đây gọi tắt là bà P) liên đới trách nhiệm trả cho bà vốn 5.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 20/10/2002 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T thừa nhận ông M có trả lãi vào các ngày 20/12/2012, ngày 18/12/2015, ngày 10/9/2020, tổng cộng là 700.000 đồng.

*Bị đơn ông M và bà P:* Không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2021/DS-ST ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang quyết định:

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về yêu cầu bà P liên đới cùng ông M trả nợ 5.000.000 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về yêu cầu ông M và bà P trả lãi từ ngày 20/10/2002.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T: Buộc ông M có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 5.215.278 đồng (vốn là 5.000.000 đồng và lãi là 215.278 đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, bà T kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm tính lãi từ ngày 20/10/2002 đến ngày xét xử phúc thẩm theo mức lãi suất do pháp luật quy định (trừ ra số tiền lãi 700.000 đồng mà ông M đã trả cho bà); buộc bà P có trách nhiệm liên đới cùng ông M trả cho bà vốn và lãi.

*Tại phiên tòa:*

- *Nguyên đơn trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Bị đơn:* Vắng mặt.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2021/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hình thức:

[1.1] Bà T kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định và có nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đương sự tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng ông M và bà P vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M và bà P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo Biên nhận đề ngày 20/10/2002 thể hiện: Ông M có vay của bà T số tiền 5.000.000 đồng, có chữ ký của người nhận tiền vay là Lâm Văn M.

Ông M không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T; ông M vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Như vậy, ông M đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng nên cấp sơ thẩm căn cứ vào Biên nhận đề ngày 20/10/2002 (do bà T giao nộp) xác định ông M có vay của bà T số tiền 5.000.000 đồng là đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Theo bà T trình bày, bà T và ông M có thỏa thuận bằng lời nói về hợp đồng vay có lãi với mức lãi suất là 2%/tháng nhưng ông M không có lời khai và bà T cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ về hợp đồng vay có thỏa thuận lãi. Quá trình giải quyết vụ án, bà T không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc ông M có trả lãi hàng tháng và không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc ông M có trả tiền lãi 03 lần là 700.000 đồng.

Biên nhận đề ngày 20/10/2002 giữa bà T và ông M ghi nhận việc ông M có vay 5.000.000 đồng của bà T; không ghi nhận lãi và thời hạn trả.

Do đó, cấp sơ thẩm xác định hợp đồng vay giữa bà T và ông M là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi là có cơ sở.

[2.3] Bà T và ông M xác lập hợp đồng vay ngày 20/10/2002 là thời điểm Bộ luật Dân sự năm 1995 có hiệu lực. Tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 1995 quy định về thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn như sau: *“Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi, thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước trong một thời gian hợp lý, nếu không có thỏa thuận khác”*.

Bà T không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc có báo cho ông M biết trước thời gian trả nợ; không cung cấp tài liệu, chứng cứ về thời gian ông M

chậm thực hiện nghĩa vụ (vì hợp đồng vay không thỏa thuận kỳ hạn trả nợ) nên bà T yêu cầu xác định thời điểm chậm trả là ngày nhận tiền vay (ngày 20/10/2002) là không phù hợp theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 1995. Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ vào ngày bà T nộp đơn khởi kiện (ngày 20/10/2020) xác định thời điểm tính lãi trên nợ gốc chậm trả là đúng.

Do ông M chưa thực hiện xong nghĩa vụ hợp đồng vay đối với bà T nên cấp sơ thẩm buộc ông M phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả cho bà T vốn vay 5.000.000 đồng và lãi từ ngày 20/10/2020 (ngày nộp đơn khởi kiện) đến ngày 24/3/2021 (xét xử sơ thẩm) là 155 ngày với số tiền lãi 215.278 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.4] Bà T không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc bà P cùng ông M xác lập hợp đồng vay số tiền 5.000.000 đồng; không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc ông M, bà P là vợ chồng hợp pháp và cùng sử dụng số tiền vay của bà T cho nhu cầu thiết yếu của vợ chồng. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về yêu cầu bà P cùng liên đới trách nhiệm với ông M là có cơ sở.

[2.5] Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới nên cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lâm Thị Xuân T.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2021/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang:

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Xuân T về yêu cầu bà Võ Thị Bích P liên đới cùng ông Lâm Văn M trả số tiền 5.000.000 đồng;

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Xuân T về yêu cầu ông Lâm Văn M và bà Võ Thị Bích P trả lãi từ ngày 20/10/2002.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Xuân T: Buộc ông Lâm Văn M có nghĩa vụ trả cho bà Lâm Thị Xuân T số tiền 5.215.278 đồng (trong đó: Vốn là 5.000.000 đồng; lãi là 215.278 đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Lâm Thị Xuân T được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0013663 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

+ Ông Lâm Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lâm Thị Xuân T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0007568 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- TAND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Ngô Ngọc Phi**